

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG**

Số: 442 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kbang, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực dọc theo tuyến đường
Lê Văn Tám và 02 làng Chiêng, làng Chreh phía Đông,
thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội, Luật Xây dựng sửa
đổi 2020 số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật
có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập,
thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm
định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày
06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng về Quy
định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và
quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 06/03/2020 của UBND tỉnh Gia Lai
về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kbang, huyện
Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 13/04/2021 của UBND huyện về
việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực dọc theo tuyến đường
Lê Văn Tám và 02 làng Chiêng, làng Chreh phía Đông, thị trấn Kbang, huyện Kbang,
tỉnh Gia Lai;

Căn cứ công văn số 2488/SXD-QLQH của Sở Xây dựng ngày 15/12/2021 về
việc tham gia ý kiến đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực dọc theo tuyến
đường Lê Văn Tám và 02 làng Chiêng, làng Chreh phía Đông, thị trấn Kbang, huyện
Kbang, tỉnh Gia Lai;

Xét Báo cáo thẩm định số 88/BCTĐ-KT&HT ngày 31/12/2021 của Phòng
Kinh tế và Hạ tầng huyện Kbang,

QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực dọc theo tuyến
đường Lê Văn Tám và 02 làng Chiêng, làng Chreh phía Đông, thị trấn Kbang,
huyện Kbang, tỉnh Gia Lai với nội dung như sau:**

1. Tên dự án: Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực dọc theo tuyến đường Lê

Văn Tám và 02 làng Chiềng, làng Chreh phía Đông, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

2. Địa điểm và ranh giới quy hoạch:

* **Địa điểm quy hoạch:** Thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

* **Ranh giới quy hoạch:**

- Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng sản xuất.
- Phía Nam giáp đất sản xuất nông nghiệp.
- Phía Đông giáp đất sản xuất nông nghiệp.
- Phía Tây giáp đường Hoàng Hoa Thám, đất dân cư hiện trạng.

* **Quy mô quy hoạch:**

- Quy mô quy hoạch: 83,44 ha.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: Lập quy hoạch chi tiết với tỷ lệ 1/500.

3. Tính chất:

- Hình thành khu dân cư ổn định và phát triển bền vững tạo điểm nhấn cho thị trấn.

4. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Chỉ tiêu về dân số:

- Định hướng dân số khu vực quy hoạch: 3.500 người.

4.2. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Quy hoạch các đơn vị ở phải đảm bảo cung cấp nhà ở và các dịch vụ thiết yếu hàng ngày (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông cơ sở, văn hoá thông tin, chợ, dịch vụ thương mại, thể dục thể thao, không gian dạo chơi, nghỉ ngơi...)

- + Chỉ tiêu đất ở đô thị : 45 - 55 m²/người.
- + Đất công trình công cộng đô thị : $\geq 1,5$ m²/người.
- + Đất cây xanh sử dụng công cộng ngoài đơn vị ở: ≥ 4 m²/người.
- + Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở: ≥ 2 m²/người (trong đó đất cây xanh trong nhóm ở tối thiểu phải đạt 1 m²/người).
- + Tỷ lệ đất giao thông và giao thông tĩnh trong đất xây dựng đô thị tối thiểu phải đạt:

- Tính đến đường liên khu vực: 9%
- Tính đến đường khu vực: 13%
- Tính đến đường phân khu vực: 18%.

(Theo QCVN 01:2021/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng)

4.3. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

a. Chỉ tiêu cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt (theo người):
 - + Phụ tải: 330 W/người (Đô thị loại IV-V)
- Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng, dịch vụ (theo %):
 - + Điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt): 30% (Đô thị loại IV-V)
- Chỉ tiêu chiếu sáng công cộng:
 - + Chỉ tiêu cấp điện chiếu sáng đường phố: 1 W/m².
 - + Chỉ tiêu cấp điện chiếu sáng công viên, vườn hoa: 0,5W/m².

b. Nhu cầu cấp nước:

- Nhu cầu cấp nước sinh hoạt tối thiểu ≥ 80 lít/ người/ ngày đêm.

- Nước sạch dùng các công trình công cộng và dịch vụ tối thiểu $\geq 10\%$ lượng nước sinh hoạt. Chỉ tiêu cấp nước sạch cho công trình công cộng, dịch vụ khác 2 lít/m² sàn/ngày đêm.

- Nước tưới cây, rửa đường tối thiểu $\geq 8\%$ lượng nước sinh hoạt. Chỉ tiêu cấp nước phải đảm bảo tối thiểu như sau: Nước tưới vườn hoa, công viên ≥ 3 lít/m²/ngày đêm.

- Nước rửa đường $\geq 0,4$ lít/m²/ngày đêm.

c. Thoát nước :

- Hệ thống thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Thoát nước mưa: Thiết kế hệ thống cống thoát nước với chu kỳ tràn cống P = 2 năm.

- Thoát nước thải: $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt.

d. Rác thải sinh hoạt:

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt.

+ Đô thị loại IV-V: 0,8kg (kg/người-ngày); Tỷ lệ thu gom $\geq 90\%$.

e. Chỉ tiêu thông tin liên lạc:

- Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 20 - 25 đường/100 dân.

- Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định 15 - 20 thuê bao/100 dân.

- Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động 35 - 40 thuê bao/100 dân.

- Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định 40 - 45%; tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet 35 - 40%; tỷ lệ người sử dụng Internet 55 - 60%;

(Theo Quyết định số 32/2012 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt về việc Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020)

5. Quy hoạch phát triển không gian, kiến trúc đô thị:

- Xác định đường Lê Văn Tám và khu vực dọc theo 2 bên suối Đăk Lốp là những trục chính về giao thông và cảnh quan cho khu quy hoạch. Hướng phát triển chủ yếu dọc theo hai bên đường Lê Văn Tám và dọc theo hai bên suối Đăk Lốp. Tập trung phát triển khu vực trung tâm của hai làng Chiêng và Chreh, bố trí quỹ đất ở để phát triển dân cư và một số công trình phúc lợi xã hội phục vụ cho dân cư hai làng.

- Giữ lại hiện trạng và chỉnh trang đầu tư cơ sở hạ tầng các khu dân cư đã sinh sống ổn định, bên cạnh đó phát triển các khu dân cư mới được quy hoạch theo địa hình tự nhiên, nhà ở được bố trí quay về hướng suối Đăk Lốp nhằm khai thác cảnh quan và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

- Quy hoạch các quỹ đất hạ tầng phúc lợi xã hội như khu sinh hoạt cộng đồng, khu hoa viên cây xanh, thể dục thể thao trong các nhóm khu ở.

- Khai thác cảnh quan hai bên suối Đăk Lốp, bố trí các quỹ đất dự phòng phát triển thương mại dịch vụ và đất hoa viên, cảnh quan cây xanh đồi núi kết hợp với suối Đăk Lốp hình thành các khu vực dịch vụ khám phá cảnh quan thiên nhiên trong đô thị.

- Về giao thông: kết nối các trục đường hiện có và các trục mở mới. Trên cơ sở tôn trọng phần lớn hiện trạng tránh ảnh hưởng nhiều đến khu dân cư đã ở ổn định.

- Quy hoạch hai tuyến đường và kè dọc theo hai bên suối Đăk Lốp nhằm khai thác không gian cây xanh mặt nước tạo trục cảnh quan làm điểm nhấn cho toàn bộ khu quy hoạch.

- Quy hoạch mở rộng một số tuyến giao thông hiện trạng có chỉ giới nhỏ 3-4m lên 5-6m đặc biệt tại khu vực làng Chiêng để đảm bảo nhu cầu về giao thông cũng

như các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đi kèm.

- Khuyến khích đối với nhà ở phân lô bố trí dạng nhà vườn chiều ngang lô đất 7m, thống nhất số tầng cao từ 1-2 tầng và có khoảng lùi phía trước, tại vùng lõi các khu dân cư hình thành các khu hoa viên cây xanh hồ nước để phục vụ nhân dân sinh hoạt, thể dục, thể thao đồng thời tạo cảnh quan môi trường cho khu quy hoạch cũng như toàn đô thị.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật như giao thông, hệ thống cấp thoát nước, điện đến từng hộ dân và công trình công cộng.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng chi tiết sử dụng đất quy hoạch

Stt	Tên loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công trình công cộng - thương mại dịch vụ	1,41	1,69
	Nhà rông văn hóa	0,13	
	Đất công trình công cộng	1,05	
	Đất thương mại dịch vụ	0,23	
2	Đất hoa viên cây xanh – Thể dục thể thao	13,68	16,40
	Đất cây xanh	13,17	
	Đất thể dục thể thao	0,51	
3	Đất giáo dục	0,08	0,10
4	Đất ở	30,29	36,30
	Đất ở hiện trạng	7,65	
	Đất ở làng xóm	6,03	
	Đất ở quy hoạch nhà liền kề	15,21	
	Đất ở định hướng quy hoạch	1,40	
5	Đất ở hỗn hợp (Ở kết hợp thương mại dịch vụ)	5,89	7,06
6	Đất mặt nước	5,26	6,30
7	Đất dự phòng (Hành lang bảo vệ chống sạt lở)	11,31	13,55
8	Đất giao thông - Hạ tầng kỹ thuật	15,52	18,60
	Nhà máy xử lý nước	0,20	
	Đất giao thông, hành lang kỹ thuật	15,32	
	Tổng cộng	83,44	100,00

- Tổng diện tích đất ở quy hoạch là : 15,21 ha

- Tổng diện tích đất ở hiện trạng sau quy hoạch là : 13,68 ha

- Định hướng dân cư khu vực quy hoạch: 3.500 người.

7. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

Các chỉ tiêu kỹ thuật:

+ Tốc độ thiết kế 40-60km/h;

+ Kết cấu mặt đường bê tông nhựa Eyc $\geq$ 120 Mpa.

a. Mặt cắt ngang:

Các tuyến đường trong khu đô thị thiết kế mặt cắt ngang đường 2 mái dốc, độ dốc ngang 2% hướng bề hệ thống thoát nước mưa thu 2 bên, độ dốc ngang hè 1.5% hướng về phía lòng đường.

b. Thiết kế nút giao thông:

Trong khu vực lập quy hoạch các nút giao cắt chủ yếu là ở các ngã ba, ngã tư, tuy nhiên với quy mô mặt cắt ngang đường vừa phải và việc phân cấp mạng lưới đường

mạch lạc, hợp lý (xung đột giữa các luồng giao thông không lớn) nên chỉ bố trí các nút giao thông cùng mức. Hình thái nút giao thông cùng mức này vừa phải giảm được chi phí xây dựng đồng thời vẫn đảm bảo được khả năng lưu thông tốt của các phương tiện giao thông.

Bán kính bó vỉa trong phạm vi nút trung bình là 10m tối thiểu 8m.

c. Kết cấu áo đường

Thiết kế áo đường: Tùy thuộc vào chức năng cũng như ý nghĩa của từng tuyến đường, kết cấu áo đường trong sẽ được tính toán cụ thể trong giai đoạn lập Dự án ĐTXD. Tuy nhiên về tổng thể dự kiến sử dụng mặt đường loại cấp cao A1 có mặt đường bê tông nhựa dày 7cm, móng đường là các lớp cấp phối đá dăm 30cm, nền đất tự nhiên được dọn sạch và lu lèn đảm bảo theo quy định.

e. Bãi đỗ xe

Nhu cầu đỗ xe của khu vực được tích hợp trong các khu cây xanh, đảm bảo nhu cầu đỗ xe của khu vực. Diện tích xây dựng bãi đỗ xe <20% diện tích ô công viên cây xanh.

f. Hồ sơ cắm mốc lộ giới:

Cắm mốc đường:

+ Hệ thống cắm mốc đường thiết kế cắm theo tim tuyến các trục đường trong bản đồ quy hoạch giao thông và bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500.

+ Tọa độ X và Y của các mốc thiết kế được xác định trên lưới tọa độ của bản đồ đo đạc địa hình tỷ lệ 1/500 theo tọa độ VN2000.

Chỉ giới xây dựng:

+ Chỉ giới xây dựng là khoảng lùi xây dựng xác định trên cơ sở tính chất sử dụng phân cấp hạng tuyến đường.

+ Đoạn qua công trình công cộng, trường học, thương mại dịch vụ khác chỉ giới xây dựng lùi vào 3m so với chỉ giới đường đỏ.

- Chỉ giới đường đỏ:

+ Chỉ giới đường đỏ của mạng đường được xác định trên cơ sở các mặt cắt ngang điển hình và thể hiện chi tiết trên bản đồ quy hoạch giao thông, bản đồ chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

+ Lập bản vẽ chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường giao thông trong khu vực nhằm tạo cơ sở cho việc xác định các tuyến đường ngoài thực tế trên cơ sở các tọa độ tim đường thiết kế và kích thước các mặt cắt ngang của mỗi loại đường

Bảng tổng hợp mặt cắt giao thông

STT	Tên đường	Lòng đường (m)	Giải phân cách (m)	Vĩa hè (m)	Chỉ giới giao thông (m)
1	Mặt cắt 1-1: Đường Lê Văn Tám	10,5	0	(5,75-9,75) x 2	22,0-30,0
2	Mặt cắt 2-2: Đường Quy hoạch Đ1, Đ2, Đ4, Đ6, Đ7, Đ9, Đ10, Đ11, Đ12	5,5	0	2,5 x 2	10,5
3	Mặt cắt 3-3: Đường Quy hoạch Đ3, Đ5, Đ8, Đ13, Đ14	4,0	0	2,0 x 2	8,0
4	Mặt cắt 4-4: Đường bê tông xi măng nội làng	3,5	0	1,0 x 2	5,5

+ Hệ thống giao thông nội bộ được thiết kế hợp lý để phục vụ việc đi lại cho các phương tiện giao thông đến từng khu quy hoạch một cách dễ dàng, thuận tiện.

+ Quy mô mặt cắt được tính toán với mô đun chiều rộng 3,5 m - 3,75 m cho một làn xe.

7.2. San nền:

* Giải pháp san nền:

- Hình thành khung đường giao thông tương đối theo địa hình.
- Hướng thoát nước từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây.
- Thoát nước từ nền xuống đường.
- San nền cần đảm bảo thoát nước mặt tốt tránh gây ứ đọng nước.
- Độ dốc thiết kế 0,4-8%.

- Cao độ tự nhiên:

+ Cao độ tự nhiên cao nhất: 535,00 m

+ Cao độ tự nhiên thấp nhất: 455,00 m

- Cao độ thiết kế dự kiến:

+ Cao độ thiết kế dự kiến cao nhất: 535,00 m

+ Cao độ thiết kế dự kiến thấp nhất: 455,00 m

+ Cao độ thiết kế dự kiến trung bình: 495,00 m

7.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Theo quy hoạch chung thị trấn KBang khu vực lập quy hoạch thuộc lưu vực 3, hướng thoát nước chính về hướng suối Đăk Lốp và khu vực phía Nam của thị trấn.

- Theo định hướng thoát nước, kết hợp với định hướng san nền, hệ thống thoát nước được chia làm các lưu vực thoát nước nhỏ đều có hướng dốc theo hướng san nền để giảm tiết diện đường ống và đảm bảo thoát nước nhanh.

- Do đặc điểm địa hình hiện trạng, các tuyến cống thoát nước mưa đều được thiết kế với độ dốc theo độ dốc đường để đảm bảo chiều sâu chôn cống, đồng thời cũng đảm bảo về mặt thủy lực.

- Để tiện cho việc nạo vét và kiểm tra, giếng thăm được bố trí tại các điểm thay đổi hướng tuyến và thay đổi kích thước cống. Khoảng cách giữa hai giếng thăm từ 30m - 50m.

- Hệ thống cống thoát nước mưa được đặt trên vỉa hè hai bên đường.

- Toàn bộ mạng lưới thoát nước sử dụng hệ thống mương xây nắp đan B500-B1000, mương hộp BTCT với đoạn qua đường và các cửa xả.

- Các tuyến thoát nước được thiết kế theo độ dốc đường với những tuyến đường có độ dốc thấp thì thiết kế theo độ dốc tối thiểu $i \geq 1/D$.

- Hệ thống thoát nước được thiết kế theo hệ thống thoát nước tự chảy.

- Đối với các tuyến mương thoát nước chung hiện hữu cần thực hiện duy tu bảo dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thoát nước.

- Giải pháp thiết kế mới hệ thống thoát nước mặt và tổ chức đi riêng với thoát nước bản, chế độ thoát nước tự chảy theo hướng dốc địa hình về suối Đăk Lốp.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Công suất cấp điện:

+ Tổng công suất cấp điện: $P_{tt} = 1660 \text{KW}$.

+ Chọn hệ số sử dụng $K_{sd} = 0,7$; hệ số $\cos\varphi = 0,8$

+ Tổng công suất của trạm biến áp phụ tải $S_{tt} = 1453 \text{KVA}$

- Nguồn cấp điện:

+ Nguồn điện chính sẽ được đầu nối từ tuyến 22KV dọc theo tuyến đường Lê Văn Tám và đầu nối với hệ thống điện 22KV hiện có trong khu vực, kết hợp di dời, cải tạo tuyến điện 22KV hiện trạng theo các tuyến đường quy hoạch.

- Phương án cấp điện:

* Trạm biến áp 22/0,4 KV:

+ Căn cứ theo phạm vi phục vụ từng khu vực cụ thể bố trí mới 06 trạm biến áp 22/0,4KV công suất 250KVA nhằm đáp ứng đủ nhu cầu cấp điện cho khu vực quy hoạch.

+ Vị trí, công suất trạm biến áp trong bản vẽ chỉ là định hướng, việc xác định cụ thể sẽ được thực hiện ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công cụ thể của từng dự án riêng.

* Đường dây 22KV:

+ Dự kiến bố trí toàn bộ lưới điện trong khu quy hoạch là điện đi nổi trên trụ BTLT. Tuyến đường dây 22KV hiện có sẽ được nâng cấp cải tạo, di dời một số đoạn để đảm bảo lộ giới giao thông theo quy hoạch.

* Đường dây 0,4KV:

+ Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V.

+ Lưới điện hạ thế gồm: Các tuyến cáp bố trí đi nổi trên trụ BTLT 12m, xuất phát từ các lộ ra hạ thế của trạm biến áp đến các tủ điện tổng để phân phối điện cho các khu ở, cấp đến tủ điện từng công trình hay nhóm các công trình.

7.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước: $Q = 475\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$.

- Phương án cấp nước:

+ Theo quy hoạch chung thị trấn Kbang được phê duyệt, nguồn nước sinh hoạt của thị trấn Kbang được cấp từ trạm cấp nước phía Bắc (công suất 2.000m^3) và phía Đông (dự kiến nâng cấp công suất lên 4.000m^3) thông qua hệ thống đường ống cấp nước chính được đầu tư dọc theo trục đường Quang Trung và đường Lê Văn Tám.

+ Nguồn nước cấp khu quy hoạch được đầu nối vào đường ống cấp nước sạch D200 – D250 đi dọc theo đường Lê Văn Tám hiện có. Dự kiến giai đoạn sau sẽ được đầu nối đường ống cấp nước D300 từ trạm cấp nước phía Đông thị trấn để đáp ứng đủ nhu cầu.

7.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý môi trường:

7.6.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Theo định hướng quy hoạch thoát nước thải của thị trấn Kbang thì hệ thống thoát nước thải được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Đối với các tuyến mương thoát nước chung hiện hữu cần thực hiện từng bước chuyển đổi sang sử dụng cống ngầm để đảm bảo mỹ quan, môi trường cho đô thị.

- Theo định hướng quy hoạch chung thị trấn Kbang: bố trí 1 trạm xử lý nước thải tập trung ở phía Nam thị trấn. Do đó, nước thải khu quy hoạch được thu gom về trạm xử lý theo quy hoạch chung.

- Đối với các khu vực có độ dốc lớn, nước thải không tự chảy thì sẽ bố trí trạm bơm chuyển tiếp đưa nước thải về hệ thống cống gom chính về trạm xử lý.

- Mạng lưới đường ống thoát nước thải gồm các hố thu, hố thăm và sử dụng cống tròn D200-D300 tiếp nhận nước thải từ các khu dân cư đưa ra để đưa nước thải về trạm xử lý.

- Hố ga thu nước thải kết hợp với các hố ga đầu nối hộ dân, bố trí khoảng cách từ 20-40m.

+ Kết cấu chi tiết hố ga như sau: đệm móng hố ga bê tông M150 đá 4x6, thành hố ga bê tông M200 đá 2x4, tấm đan dùng BTCT M200 đá 1x2.

- Bể tự hoại dung tích khoảng 50-60m³, đệm móng bể bê tông M150 đá 4x6, thành bể bằng bê tông cốt thép M250 đá 2x4, tấm đan dùng BTCT M250 đá 1x2.

- Cao độ đặt cống được chọn trên cơ sở hệ thống cống thoát nước tự chảy.

* Đối với khu vực lập quy hoạch:

- Thoát nước thải sinh hoạt bằng 80% lượng nước cấp $Q_{thải} = 308m^3/ngày.đêm$.

- Nước thải sinh hoạt phải được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại, các loại nước tắm, giặt trong sinh hoạt có thể xả thẳng vào hệ thống cống sau khi đã loại bỏ rác hoàn toàn.

- Để giảm bớt ô nhiễm môi trường, nước thải xử lý cục bộ qua bể tự hoại đặt trong từng công trình, bể xây 3 ngăn đúng quy cách. Sau đó thoát ra hệ thống cống chung khu vực.

7.6.2. Vệ sinh môi trường:

- Bảo vệ nguồn nước:

+ Nước thải sinh hoạt bắt buộc phải xử lý qua bể tự hoại trước khi xả vào cống thoát nước chung.

+ Tại miệng xả của cống thoát nước chung phải xây dựng lưới chắn rác.

- Rác thải:

+ Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt đối với đô thị loại V: 0,8kg (kg/người-ngày);

+ Tỷ lệ thu gom $\geq 85\%$: $W = 1,84$ tấn/ngày.

+ Rác thải mỗi nhà được phân tách loại phân hủy và loại không phân hủy được gói trong bao ny lon.

+ Dọc hè phố, dọc tuyến đường nội bộ được đặt các thùng rác 100 lít có khoảng cách trung bình 150m/thùng, hàng ngày gom rác về khu vực chứa rác.

+ Rác hữu cơ được thu gom hàng ngày bằng xe chuyên dùng công trình đô thị.

+ Các tuyến đường giao thông hai bên trồng cây xanh cùng các hoa viên cây xanh, cây xanh cục bộ tại các công trình công cộng, công trình dịch vụ và nhà ở riêng lẻ, sẽ là một yếu tố quan trọng để điều tiết toàn bộ môi trường khí hậu, tạo ra một không gian thông thoáng, nghỉ ngơi hữu ích.

8. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Kiểm soát việc khai thác nước ngầm để sử dụng vào mục đích sinh hoạt. Kêu gọi việc đầu tư và phát triển hệ thống cấp nước để tăng tỷ lệ người dân sử dụng nước qua hệ thống cấp nước tập trung 100%.

- Môi trường không khí kiểm soát tại các dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình.

- Các giải pháp kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường, kế hoạch quản lý và giám sát môi trường.

a. Quy hoạch sử dụng đất và tổ chức không gian cảnh quan khu dân cư:

- Các khu chức năng được bố trí theo đúng quy phạm, có quy định mật độ xây dựng và phân đợt xây dựng, hạn chế được các tác nhân gây ô nhiễm trong quá trình xây dựng.

- Quy hoạch hoa viên cây xanh và tăng cường trồng cây xanh các công trình hạ tầng kỹ thuật và các trục giao thông.

b. Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Hệ thống thu và xử lý nước thải, chất thải rắn: Có lộ trình xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng.

- Giao thông: Hệ thống giao thông đối nội phù hợp với tình hình thực tế và định hướng của quy hoạch thị trấn Kbang.

c. Giảm thiểu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu:

- Cải tạo hệ thống thoát nước, sử dụng hệ thống cống bê tông đặt ngầm để tổ chức thoát nước mưa triệt để, tránh ngập úng cục bộ.

d. Các giải pháp kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai:

- Chất lượng môi trường nước: Quản lý việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận, kiểm soát việc thu gom chất thải rắn tại các hộ gia đình để tránh tình trạng xả rác bừa bãi xuống sông hồ, ống cống,...; đảm bảo diện tích cây xanh đúng tiêu chuẩn; chất lượng không khí, tiếng ồn: kiểm soát ô nhiễm trong quá trình xây dựng các dự án; trồng cây xanh cách ly, cây xanh môi trường, cây xanh ven đường để giảm nồng độ chất ô nhiễm trong không khí tại các tuyến giao thông có mật độ cao.

- Quản lý chất thải:

+ Nước thải: Được thu gom bằng hệ thống thoát nước thải (cống ngầm). nước thải trong khu vực được phân luồng xử lý như sau: nước thải sinh hoạt (khu dân cư xây dựng mới, khu dân cư hiện hữu và cải tạo, công cộng, TMDC,...) từ nhu cầu tắm rửa, giặt giũ,... được thu gom vào hệ thống thu gom nước thải bản (cống ngầm) đưa trực tiếp về tuyến ống thoát nước thải trên các tuyến đường; nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi theo hệ thống cống ngầm đưa về các tuyến cống thoát nước thải. Nước thải theo đường cống thoát nước thải được đưa về trạm xử lý tập trung và được xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14-2008/BTNMT.

+ Chất thải rắn: Khuyến khích phân loại và thu gom chất thải rắn tại nguồn. Chất thải rắn phải được thu gom, vận chuyển đưa về điểm tập kết rác, sau đó đưa về khu xử lý rác của huyện. Chất thải rắn phải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của nhà nước về chất thải rắn nguy hại.

e. Kế hoạch quản lý và giám sát môi trường thực hiện theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường

- Chủ đầu tư dựa vào quy hoạch tổng thể mặt bằng để xây dựng hệ thống giao thông nội bộ, cấp điện, cấp nước, hệ thống xử lý nước thải cục bộ, hệ thống thu gom nước thải, nước mưa phù hợp để tiếp nhận các nguồn thải.

- Thành phần nước thải sau khi xử lý được không chế tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 14-2008/BTNMT. Hệ thống không chế tự động để kiểm tra lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm sẽ được lắp đặt. Phương pháp này cho phép quản lý nồng độ đầu ra của các chất ô nhiễm từ hệ thống xử lý nước thải của Khu quy hoạch.

- Cơ quan chức năng cùng các ban ngành liên quan tham gia thẩm định thiết kế cơ sở của đơn vị thiết kế để giám sát các hệ thống thu gom nước thải, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn theo yêu cầu chung bảo vệ môi trường khu vực.

- Cơ quan quản lý môi trường Nhà nước sẽ thẩm định những hoạt động có liên quan tới môi trường của chủ đầu tư như hệ thống hạ tầng phục vụ, hệ thống thông thoáng và các hệ thống xử lý môi trường, phòng chống sự cố.

- Chủ đầu tư phối hợp cùng với các cơ quan chức năng xây dựng phương án

phòng chống sự cố cháy nổ, dịch bệnh... Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các thiết bị sản xuất, hệ thống không chế ô nhiễm môi trường và hệ thống ngăn ngừa sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

9. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

- Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống giao thông kết hợp hệ thống cấp điện, nước, thoát nước, thông tin liên lạc đồng bộ.

- Kêu gọi đầu tư khu hoa viên cây xanh, khu sinh hoạt cộng đồng và các công trình phúc lợi xã hội để phục vụ nhân dân đồng thời tạo cảnh quan môi trường cho khu quy hoạch cũng như toàn đô thị.

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách và huy động một số nguồn vốn khác...

Điều 2. Giao phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng; Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch UBND thị trấn Kbang và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Notam

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Sở Xây dựng;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- Lưu: VT, VP, TH *[Signature]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



Nguyễn Văn Dũng